

Bản án số: 67/2021/HNGĐ-ST.
Ngày 15 - 12 - 2021
V/v Ly hôn và chia tài sản khi ly
hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Huỳnh Việt Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Hưng;

Ông Trịnh Hữu Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Lê Vũ Linh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 15 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 về việc “Ly hôn và chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đoàn Trí S. Sinh năm: 1959 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 5, xã K, huyện U, tỉnh C ..

Bị đơn: Bà Nguyễn Hồng P. (Nguyễn Thị Hồng P). Sinh năm: 1961 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 5, xã K, huyện U, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 25 tháng 12 năm 2020, các lời trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đoàn Trí S trình bày: Ông với bà P tự nguyện chung sống với nhau vào khoảng năm 1990, năm 2015 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện U, tỉnh C .. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, không quan tâm chăm sóc, không tôn trọng nhường nhịn nhau nên dẫn đến vợ chồng thường cự cãi nhau. Vợ chồng chung sống

nhưng không hạnh phúc, ông nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu được ly hôn với bà P.

Về con chung: Có 02 con chung tên Đoàn Chí Minh N., sinh năm 1996 và Đoàn Thị Thanh N1, sinh năm: 1998 đã trưởng thành có gia đình riêng, có khả năng lao động nên không yêu cầu.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận chia.

Đối với yêu cầu của bà P về chia tài sản chung thì ông xác định tài sản chung gồm có: 01 căn nhà tiền chế dưới mé sông và 01 căn nhà cây lá địa phương, ông đồng ý chia nhà bằng cách dỡ nhà ra chia, do nhà cất nhà trên đất thuê đến năm 2022 hết hạn thuê, nếu bà P giao ông 30.000.000 đồng thì căn nhà bà P lấy. Các tài sản khác bà P yêu cầu chia gồm thùng suốt, máy khoan, máy D6, máy xe, 01 bàn tròn bằng nhựa, 01 bàn vuông là tài sản do ông sửa máy và dùng tiền này mua nên ông không đồng ý chia theo yêu cầu của bà P. Đối với 6 cái phi hiện ông quản lý ông đồng ý chia mỗi người 3 cái. Tiền thuê vuông thời gian còn lại là 18 tháng, giá thuê đã trả xong, mỗi năm tiền thuê là 22.000.000 đồng, đến tháng 7/2022 hết thời gian thuê, bà P yêu cầu ông chia số tiền này hoặc giao lại đất cho bà canh tác trong thời gian còn lại thì ông không đồng ý theo yêu cầu của bà P. Nợ chung: Không có.

- Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng P trình bày: Về quan hệ hôn nhân: bà chung sống với ông S có đăng ký kết hôn tại UBND xã K.. Quá trình chung sống ông S đánh đập mẹ con bà nhiều lần, bà nhận thấy cũng không thể tiếp tục chung sống với ông S nên ông S yêu cầu ly hôn bà cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có hai con chung đã trưởng thành. Minh N. hiện thuê vuông làm riêng, còn con gái đã có gia đình riêng nên bà không yêu cầu về con chung.

Tài sản chung: Bà yêu cầu chia theo quy định, tài sản chung gồm: 01 thùng suốt, 01 dàn máy khoan, 02 máy D6, 01 máy xe, 02 cái bàn, 02 cái giường sắt, 01 căn nhà tiền chế trị giá khoảng 50.000.000 đồng, 01 căn nhà cây trị giá khoảng 5.000.000 đồng, 06 cái phi nhựa. Đối với cây nước và 01 mô tơ bơm nước thì bà không yêu cầu nữa.

Nợ chung: Không có.

- Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã tuân thủ đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 9, 33, 37, 56, 57, 59 Luật hôn nhân gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Đoàn Trí S và bà Nguyễn Hồng P..

Xác định tài sản chung của ông S, bà P gồm: 01 căn nhà chính làm tiền chế, chiều ngang 7,2m, dài 8,1m, vách thiết, mái lợp thiết, cột bằng xi măng, lót gạch mem dài 2m x 7,2m, tiếp theo nền lót gỗ dài 2,8m x 7,2, còn lại nền đất,

cất vào năm 2001; 01 căn nhà phụ chiều ngang 7m x dài 7m, làm bằng cây gỗ địa phương, cất vào năm 2005; 02 máy dầu D6 mua năm 2020; 06 phi chứa nước; 02 cái giường sắt; 02 cái bàn làm bằng sắt, lót gạch; 01 giàn khoan đất (gồm máy dầu D6 và phà), 01 thùng suốt lúa.

Ghi nhận sự tự thỏa thuận tháo dỡ, tự phân chia 01 căn nhà chính làm tiền chế, cất vào năm 2001; 01 căn nhà phụ chiều ngang 7m x dài 7m, làm bằng cây gỗ địa phương, cất vào năm 2005 của ông Đoàn Trí S và bà Nguyễn Hồng P..

Giao cho ông Đoàn Trí S tiếp tục quản lý, sử dụng 01 phần đất thuê; 02 máy dầu D6; buộc ông S phải hoàn trả lại $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản và tiền thuê đất nêu trên với số tiền là 17.500.000 đồng. Buộc ông S phải bồi hoàn $\frac{1}{2}$ giá trị của 01 giàn khoan đất và 01 máy suốt lúa cho bà P với số tiền là 10.000.000 đồng.

Án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 mức thu miễn giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp theo yêu cầu của ông Đoàn Trí S được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn, chia tài sản khi ly hôn và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với chủ thuê đất có căn nhà tranh chấp xét thấy các đương sự chỉ tranh chấp về tài sản trên đất thuê và thời gian thuê còn lại nên việc đưa chủ thuê đất vào tham gia tố tụng là không cần thiết.

[2] Về nội dung: Ông Đoàn Trí S và bà Nguyễn Hồng P. tự nguyện chung sống với nhau vào 1990, đăng ký kết hôn năm 2015, theo quy định quan hệ hôn nhân của ông Đoàn Trí S và bà Nguyễn Hồng P. là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống giữa vợ chồng ông Đoàn Trí S và bà P xảy ra mâu thuẫn, không hòa giải với nhau được. Đối với yêu cầu của ông Đoàn Trí S, bà Nguyễn Hồng P. đồng ý ly hôn, điều này cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể tiếp tục nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông S và bà Nguyễn Hồng P. ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Đoàn Chí Minh N., sinh năm 1996 và Đoàn Thị Thanh N1, sinh năm: 1998. Các con chung đã trưởng thành, các đương sự xác định các con chung có khả năng lao động, không yêu cầu nên không xem xét.

- Tài sản chung: Tại biên bản thẩm định tại chỗ xác định tài sản tranh chấp giữa vợ chồng có: 01 căn nhà chính làm tiền chế, chiều ngang 7,2m, dài 8,1m, vách thiết, mái lợp thiết, cột bằng xi măng, lót gạch mem dài 2m x 7,2m, tiếp theo nền lót gỗ dài 2,8m x 7,2, còn lại nền đất, cất vào năm 2001; 01 căn nhà phụ chiều ngang 7m x dài 7m, làm bằng cây gỗ địa phương, cất vào năm 2005

(nhà cất trên đất thuê thời hạn 5 năm, theo các đương sự xác định đến tháng 7/2022 là hết hạn hợp đồng), 02 máy dầu D6 mua năm 2020; 06 phi chứa nước; 02 cái giường sắt; 02 cái bàn làm bằng sắt, mặt bàn lót gạch.

Đối với 01 giàn khoan đất, 01 thùng suốt lúa thì khi thẩm định không còn theo ông S trình bày là đã bán với số tiền tổng cộng là 20.000.000 đồng. Các tài sản còn lại các bên không thống nhất gồm: 02 máy D6, giàn khoan đất, thùng suốt, tiền thuê đất tính từ thời điểm xét xử thời gian còn lại là 18 tháng, mỗi năm thuê là 24.000.000 đồng. Xét thấy các tài sản và số tiền này phát sinh trong thời kì hôn nhân của ông S và bà P và sử dụng cho mục đích kinh tế gia đình nên đây là tài sản chung của vợ chồng. Bà P yêu cầu chia là có căn cứ chấp nhận. Mỗi người được nhận một nửa giá trị của tài sản chung.

Tuy nhiên, bà P không yêu cầu định giá đối với nhà và các tài sản khác nên giá bà P đưa ra tại đơn yêu cầu là không có căn cứ xem xét, tại phiên tòa, ông S xác định được giá trị của một số tài sản nên Tòa án xác định giá của tài sản chung theo mức giá của ông S trình bày.

Đối với 02 cái bàn và 02 cái giường bà P yêu cầu tại phiên tòa, đây là yêu cầu mới phát sinh vượt quá yêu cầu theo đơn yêu cầu trong quá trình tố tụng nên không xem xét. Đối với yêu cầu chia về cây nước và hai mô tua tại phiên tòa bà P không yêu cầu nên không xem xét đối với các tài sản này. Về hai căn nhà các bên đương sự thống nhất tự tháo dỡ để phân chia, 06 cái phi tự chia mỗi người 03 cái nên để các đương sự tự thực hiện, Tòa án không xem xét

Các tài sản còn lại ông S quản lý, sử dụng và có đưa ra giá gồm: 02 máy dầu D6 mua năm 2020 giá 2.000.000 đồng nên ông S có nghĩa vụ giao lại bà P 1.000.000 đồng; máy khoan và thùng suốt lúa ông S trình bày đã bán tổng cộng 20.000.000 đồng nên ông S phải giao lại cho bà P giá trị của $\frac{1}{2}$ số tiền đã bán là 10.000.000 đồng; ông S không đồng ý giao lại đất thuê cho bà P canh tác (thời gian còn lại được xác định là 18 tháng tương đương số tiền thuê là 33.000.000 đồng) nên ông S có nghĩa vụ phải giao lại cho bà P số tiền 16.500.000 đồng.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông S bà P thuộc đối tượng được miễn nộp án phí và đơn xin miễn nộp án phí nên không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 51, 56, 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đoàn Trí S được ly hôn với bà Nguyễn Hồng P..

- Con chung: tên Đoàn Chí Minh N., sinh năm 1996 và Đoàn Thị Thanh N1, sinh năm: 1998. Các con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động, không yêu cầu nên không xem xét.

- Tài sản chung: Hai căn nhà các đương sự tự tháo dỡ phân chia nên không đặt ra xem xét;

Các tài sản còn lại gồm 02 máy dầu D6 mua năm 2020 giá trị còn lại là 2.000.000 đồng, 01 dàn khoan, 01 thùng suốt đã bán giá trị là 20.000.000 đồng, tiền thuê đất thời hạn 18 tháng số tiền là 33.000.000 đồng, giá trị tài sản tổng cộng là 55.000.000 đồng, giao các tài này cho ông S quản lý, sử dụng; Ông Đoàn Trí S có nghĩa vụ giao lại cho bà Nguyễn Hồng P. ½ giá trị tài sản bằng số tiền 27.500.000 (Hai mươi bảy triệu năm ngàn) đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đoàn Trí S và bà P thuộc trường hợp được miễn nộp án phí và có đơn xin miễn nộp án phí nên không phải chịu án phí.

- Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- UBND nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Việt Hằng